

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Số: 50/ CBTT-DPS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2017

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Chúng tôi là:

- **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Địa chỉ trụ sở chính: : Số nhà 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội, Việt Nam.

- Điện.thoại: 04.3583.2189 - Fax: 043 583 2091
- Website: www.dautusocson.com
- Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Văn Thắng
- Địa chỉ: Nam Hồng, Đông Anh, Hà Nội.
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0985509581

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ:

Nội dung công bố thông tin:

Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Sóc Sơn công bố thông tin: **Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bán niên năm 2018 và giải trình biến động kết quả kinh doanh trên 10% so với cùng kỳ năm trước như sau:**

1. Báo cáo tài chính bán niên năm 2018 (Tài liệu đính kèm). Kết quả kinh doanh kỳ này có sự biến động giảm trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

- Doanh thu 6 tháng năm 2018 là 220.7 tỷ đồng giảm 59% so với cùng kỳ năm 2017 là 543 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế 6 tháng năm 2018 là - 3.599 tỷ so với lợi nhuận sau thuế là 4.099 tỷ đồng cùng kỳ năm trước.

- Nguyên nhân do các khoản phải thu bán hàng trả chậm của công ty tăng mạnh so với cùng kỳ nên công ty tập trung thu hồi công nợ, hạn chế bán hàng trả chậm dẫn đến doanh thu và lợi nhuận sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

2. Địa chỉ công bố trên website: <http://www.dautusocson.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng!

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Đại diện pháp luật



Nguyễn Quang Nguyên

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN SÓC SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **49** /CV/2018-DPS

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2018

**BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH SAU BÁO CÁO KIỂM
TOÁN BÁN NIÊN NĂM 2018**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN**

Mã chứng khoán: DPS

Trụ sở chính: Số nhà 156, khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: Điện thoại: 04.3583.2189

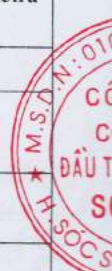
- Fax: 043 583 2091

Website: www.dautusocson.com

Theo các báo cáo tài chính bán niên năm 2018 của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sóc Sơn đã được kiểm toán và phát hành ngày 15 tháng 08 năm 2018 bởi Công ty kiểm toán PKF Việt nam, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sóc Sơn báo cáo giải trình chênh lệch số liệu trước và sau kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên 2018 như sau :

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/6/2018 (Trước Kiểm toán)	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/6/2018 (Sau Kiểm toán)	Chênh lệch	Ghi chú
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	220,719,645,500	220,719,645,500		
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	-	-		
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	220,719,645,500	220,719,645,500		
4.	Giá vốn hàng bán	11	216,581,589,345	216,581,589,345		
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4,138,056,155	4,138,056,155		
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	797,399,790	1,275,416,457	478,016,667	(a)
7.	Chi phí tài chính	22	6,436,421,863	6,436,421,863		



	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	6,436,421,863	6,436,421,863		
8.	Chi phí bán hàng	24	1,205,954,530	1,205,954,530		
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	1,431,030,477	1,431,030,477		
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(4,137,950,925)	(3,659,934,258)	478,016,667	
11.	Thu nhập khác	31	76,000,000	76,000,000		
12.	Chi phí khác	32	15,437,500	15,437,500		
13.	Lợi nhuận khác / (lỗ)	40	60,562,500	60,562,500		
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(4,077,388,425)	(3,599,371,758)	478,016,667	
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-		
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(4,077,388,425)	(3,599,371,758)	478,016,667	

(a) Do điều chỉnh trích lại lãi tiền gửi tiết kiệm dẫn đến doanh thu từ hoạt động tài chính tăng thêm số tiền là 478,016,667 đồng và điều chỉnh tăng thêm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế và sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sóc Sơn xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung giải trình trên.
Trân trọng kính chào!

Nơi gửi :

- Như trên
- Lưu TCKT

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Đại diện pháp luật



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Quang Nguyễn



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT
TRIỂN SÓC SƠN**

Báo cáo tài chính đã được soát xét
Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Báo cáo tài chính đã được soát xét

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Kèm theo

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	[2] - [4]
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	[5] - [6]
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	[10]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	[11] - [35]

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3 xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0104890396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010 và được đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 01 tháng 03 năm 2017.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Quang Nguyên	Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Ngọc Lâm	Thành viên
- Ông Lê Tiến Dũng	Thành viên
- Ông Nguyễn Ngọc Tú	Thành Viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Tiến Dũng	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Lê Hồng Sơn	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Tạ Thị Ánh	Thành viên
- Bà Phạm Thị Thanh Thủy	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Công ty có chi nhánh, đơn vị trực thuộc như sau:

<u>Tên chi nhánh, đơn vị trực thuộc:</u>	<u>Địa chỉ:</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn - Chi nhánh tại Hồ Chí Minh	Số 371 Trần Xuân Soạn, phường Tân Kiểng, quận 7, tp. Hồ Chí Minh

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5. Các khoản bất thường và các sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính-kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2018 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3 xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2018

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Tiên Dũng

Số: 90/2018/BCSX-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2018

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn được lập ngày 20 tháng 08 năm 2018, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính chọn lọc cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Theo Quyết định số 4805/QĐ-CCT của Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội ngày 28 tháng 09 năm 2017 áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn từ ngày 03/10/2017 đến ngày 02/10/2018 do Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Hóa đơn của Công ty có được Cơ quan thuế cho phép sử dụng hay không phụ thuộc vào việc Công ty có thu xếp được nguồn tài chính để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



[Handwritten signature in blue ink]

Trần Thị Nguyệt
Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0589-2018-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mẫu số B 01a – DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		429.545.935.039	440.260.273.308
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	375.181.664	8.278.809.339
1. Tiền	111		375.181.664	8.278.809.339
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.5	24.400.000.000	24.400.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		24.400.000.000	24.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		301.440.929.639	311.829.020.136
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	179.038.944.461	233.327.385.272
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	99.813.474.466	78.463.105.369
3. Các khoản phải thu khác	136	5.4	23.227.414.550	677.433.333
4. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		(638.903.838)	(638.903.838)
IV. Hàng tồn kho	140	5.9	102.704.793.743	95.364.672.056
1. Hàng tồn kho	141		102.704.793.743	95.364.672.056
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		625.029.993	387.771.777
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	154.034.233	274.822.938
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		470.995.760	112.948.839
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		160.498.902.580	163.499.582.784
I. Tài sản cố định	220		130.823.445.468	131.777.153.204
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	7.023.445.468	7.977.153.204
- Nguyên giá	222		13.612.799.997	13.612.799.997
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.589.354.529)	(5.635.646.793)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	123.800.000.000	123.800.000.000
- Nguyên giá	228		123.840.000.000	123.840.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.000.000)	(40.000.000)
II. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.5	29.637.800.645	31.637.800.645
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(362.199.355)	(362.199.355)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	2.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		37.656.467	84.628.935
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	37.656.467	84.628.935
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		590.044.837.619	603.759.856.092

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 01a – DN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		261.395.140.941	271.510.787.656
I. Nợ ngắn hạn	310		261.395.140.941	271.510.787.656
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	14.776.107.682	19.420.138.374
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	367.497.264	2.843.527.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	5.837.264.968	5.837.264.968
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	50.000.000	50.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	640.704.587	632.846.186
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	239.723.566.440	242.727.011.128
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		328.649.696.678	332.249.068.436
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.17	328.649.696.678	332.249.068.436
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		310.852.570.000	304.759.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		310.852.570.000	304.759.480.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	421		17.797.126.678	27.489.588.436
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		21.396.498.436	22.474.948.150
- LNST chưa phân phối năm này	421b		(3.599.371.758)	5.014.640.286
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		590.044.837.619	603.759.856.092

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Lê Hoa

Trần Lê Hoa

Lê Tiến Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 02a – DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	220.719.645.500	543.380.230.821
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		220.719.645.500	543.380.230.821
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	216.581.589.345	528.301.590.558
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.138.056.155	15.078.640.263
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.275.416.457	4.689.032.384
7. Chi phí tài chính	22	6.5	6.436.421.863	9.475.565.647
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.436.421.863	9.475.565.647
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	1.205.954.530	1.753.404.990
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	1.431.030.477	1.861.898.543
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.659.934.258)	6.676.803.467
11. Thu nhập khác	31	6.6	76.000.000	43.007.663
12. Chi phí khác	32	6.7	15.437.500	1.288.156.194
13. Lợi nhuận khác	40		60.562.500	(1.245.148.531)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.599.371.758)	5.431.654.936
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	-	1.332.072.787
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(3.599.371.758)	4.099.582.149
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		(117)	135

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Lê Hoa



Trần Lê Hoa



Lê Tiên Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03a – DN

(Theo phương pháp trực tiếp)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		287.667.286.311	644.289.380.159
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(287.790.777.487)	(687.731.487.917)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(989.563.632)	(1.336.223.076)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.436.421.863)	(9.475.565.647)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(4.915.360.524)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5.076.000.000	12.100.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.224.106.106)	(11.362.380.515)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.697.582.777)	(58.431.637.520)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(61.000.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.400.000.000)	(40.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.400.000.000	49.900.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		797.399.790	4.014.925.402
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.797.399.790	(47.285.074.598)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		241.703.566.440	527.597.093.242
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(244.707.011.128)	(434.446.965.156)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.003.444.688)	93.150.128.086
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(7.903.627.675)	(12.566.584.032)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		8.278.809.339	17.241.735.805
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	375.181.664	4.675.151.773

Người lập



Trần Lê Hoa

Kế toán trưởng



Trần Lê Hoa

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2018

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0104890396 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2010 và được đăng ký thay đổi lần thứ 12 vào ngày 01 tháng 03 năm 2017.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: kinh doanh thương mại sắt thép.

Ngành nghề kinh doanh như sau:

- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ kinh doanh dược phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn sắt thép;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Tái chế phế liệu; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Thu gom rác thải độc hại;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; Thu gom rác thải không độc hại; Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Công ty có chi nhánh, đơn vị trực thuộc như sau:

Tên chi nhánh, đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn - Chi nhánh tại Hồ Chí Minh

Địa chỉ:

Số 371 Trần Xuân Soạn, phường Tân Kiểng, quận 7, tp. Hồ Chí Minh

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B09a-DN

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 năm
Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

4.5.2. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của công ty như sau:

Phần mềm kế toán	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	Không tính khấu hao

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.8. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.9. Chi phí lãi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

4.10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc kỳ tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.11. Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4.12. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.13. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay, chi phí cho hoạt động liên doanh phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là gồm lãi vay phải trả trong kỳ của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của công ty.

4.14. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế suất thuế GTGT đối với sản phẩm của Công ty sẽ là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng trong kỳ tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.16. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.17. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.18. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ được trình bày ở Thuyết minh số 8.6.

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định phân biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: Thép cuộn, thép cây và hoạt động kinh doanh khác.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nội có tỷ lệ doanh thu chiếm trên 90% tổng doanh thu nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	30/06/2018	01/01/2018		
Tiền mặt	338.551.898	3.080.598.134		
Tiền gửi ngân hàng	36.629.766	5.198.211.205		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hà Nội	4.195.463	4.195.463		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam- CN Hoàn Kiếm	13.823.708	44.209.279		
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Thăng Long	1.556.900	1.556.900		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Anh	8.666.809	7.449.338		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương	2.173.697	3.116.569.189		
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Đông Anh	1.000.000	19.870.097		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sóc Sơn	1.994.850	440.910		
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Nội Bài	41.000	41.000		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm	2.172.983	2.002.874.673		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Tây	1.004.356	1.004.356		
Tiền đang chuyển	-	-		
Các khoản tương đương tiền	-	-		
Cộng	375.181.664	8.278.809.339		
5.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	30/06/2018	01/01/2018		
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	179.038.944.461	233.327.385.272		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	34.846.291.962	116.433.753.562		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Thép Hà Nội	40.552.838.422	23.973.206.622		
- Công ty TNHH Phát triển Thương mại Nguyên Anh	96.957.035.445	79.913.549.145		
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.682.778.632	13.006.875.943		
b) Phải thu khách hàng dài hạn				
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	34.846.291.962	116.433.753.562		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	34.846.291.962	116.433.753.562		
5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN	30/06/2018	01/01/2018		
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	99.813.474.466	78.463.105.369		
- Công ty CP Vật tư Xây dựng và Sản xuất Công nghiệp Thái Nguyên	99.684.081.416	78.323.230.915		
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	129.393.050	139.874.454		
b) Trả trước cho người bán dài hạn				
c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
5.4 PHẢI THU KHÁC	30/06/2018	01/01/2018		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	23.227.414.550	-	677.433.333	-
- Tạm ứng	-	-	-	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	45.000.000	-	45.000.000	-
- Thuế GTGT đầu ra tạm tính	22.071.964.550	-	-	-
- Phải thu khác	1.110.450.000	-	632.433.333	-
b) Dài hạn				
c) Phải thu khác là các bên liên quan				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

5.5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09a - DN

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.400.000.000	24.400.000.000	26.400.000.000	26.400.000.000
b1) Ngắn hạn	24.400.000.000	24.400.000.000	24.400.000.000	24.400.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	24.400.000.000	24.400.000.000	24.400.000.000	24.400.000.000
b2) Dài hạn	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hoàn Kiếm:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 18012018/HK-ĐTPTSS ngày 18 tháng 01 năm 2018, số tiền 5 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,3%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 27022018/HK-ĐTPTSS ngày 27 tháng 02 năm 2018, số tiền 6,6 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,7%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 632018/HK-ĐTPTSS ngày 06 tháng 03 năm 2018, số tiền 3 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,6%/năm.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 6022018/HK-ĐTPTSS ngày 06 tháng 02 năm 2018 số tiền 9,8 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	30.000.000.000	(362.199.355)	30.000.000.000	(362.199.355)
- Đầu tư vào Công ty con				
- Đầu tư vào công ty liên kết	30.000.000.000	(362.199.355)	30.000.000.000	(362.199.355)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền - tỷ lệ sở hữu 37,5%	30.000.000.000	(362.199.355)	30.000.000.000	(362.199.355)
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				

- Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết trong kỳ:

+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền có hoạt động sản xuất kinh doanh chính là kinh doanh thương mại sắt thép.

- Các giao dịch trọng yếu của Công ty liên kết trong kỳ:

+ Các giao dịch chủ yếu của Công ty liên kết với Công ty mẹ là mua bán các loại sắt thép.

(*): Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.6 . NỢ XẤU

	30/06/2018		01/01/2018		Đơn vị: VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc		Giá trị có thể thu hồi
Các khoản phải thu ngắn hạn						
- Công ty Cổ phần Xây dựng Việt Trung	154.199.496	77.099.748	(77.099.748)	154.199.496	77.099.748	(77.099.748)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tây Hà Thành	34.268.689	17.134.344	(17.134.345)	34.268.689	17.134.344	(17.134.345)
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Thương mại An Đại Phú	163.511.014	81.755.507	(81.755.507)	163.511.014	81.755.507	(81.755.507)
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Dung	326.281.904	163.140.952	(163.140.952)	326.281.904	163.140.952	(163.140.952)
- Công ty TNHH Xây dựng Thương mại và Vận tải Nam Tuấn	410.289.172	205.144.586	(205.144.586)	410.289.172	205.144.586	(205.144.586)
- Công ty TNHH Xây dựng Giang Sơn	315.429.000	220.800.300	(94.628.700)	315.429.000	220.800.300	(94.628.700)
Cộng	1.403.979.275	765.075.437	(638.903.838)	1.403.979.275	765.075.437	(638.903.838)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.7 . TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.200.000.000		10.408.118.179	937.181.818	67.500.000	13.612.799.997
Tăng trong kỳ						
- Mua trong kỳ						
Giảm trong kỳ						
Số dư cuối kỳ	2.200.000.000		10.408.118.179	937.181.818	67.500.000	13.612.799.997
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	275.000.000		4.441.819.149	885.077.644	33.750.000	5.635.646.793
Tăng trong kỳ	183.333.333		639.770.238	122.166.665	8.437.500	953.707.736
- Số khấu hao trong kỳ	183.333.333		639.770.238	122.166.665	8.437.500	953.707.736
Giảm trong kỳ						
Số dư cuối kỳ	458.333.333		5.081.589.387	1.007.244.309	42.187.500	6.589.354.529
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	1.925.000.000		5.966.299.030	52.104.174	33.750.000	7.977.153.204
2. Tại ngày cuối kỳ	1.741.666.667		5.326.528.792	(70.062.491)	25.312.500	7.023.445.468

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 7.631.811.324 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.499.136.363 VND
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.8 . TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	123.800.000.000	-	-	40.000.000	-	123.840.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- <i>Mua trong kỳ</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	123.800.000.000	-	-	40.000.000	-	123.840.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	-	40.000.000	-	40.000.000
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- <i>Số khấu hao trong kỳ</i>	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-	-	40.000.000	-	40.000.000
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	123.800.000.000	-	-	-	-	123.800.000.000
2. Tại ngày cuối kỳ	123.800.000.000	-	-	-	-	123.800.000.000

• Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 123.800.000.000 VND

• Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.000.000 VND

• Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.9 HÀNG TỒN KHO	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	102.704.793.743	-	95.364.672.056	-
Cộng	102.704.793.743	-	95.364.672.056	-
5.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC			30/06/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn			154.034.233	274.822.938
- Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng			8.491.057	15.854.620
- Các khoản khác			145.543.176	258.968.318
b) Dài hạn			37.656.467	84.628.935
- Chi phí Công cụ dụng cụ xuất dùng			23.933.562	43.370.227
- Các khoản khác			13.722.905	41.258.708
Cộng			191.690.700	359.451.873
5.11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN			30/06/2018	01/01/2018
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	14.776.107.682	14.776.107.682	19.420.138.374	19.420.138.374
- Công ty CP Thương mại và XD Quỳnh Minh	2.974.480.978	2.974.480.978	2.974.480.978	2.974.480.978
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp	5.349.627.772	5.349.627.772	10.614.211.341	10.614.211.341
- Công ty TNHH Natsteelvina	4.066.014.663	4.066.014.663	4.126.014.663	4.126.014.663
- Phải trả cho các đối tượng khác	2.385.984.269	2.385.984.269	1.705.431.392	1.705.431.392
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn				
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	176.657.700	-		
5.12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC			30/06/2018	01/01/2018
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	367.497.264	367.497.264	2.843.527.000	2.843.527.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Môi trường Thành Tín	287.497.264	287.497.264	287.497.264	287.497.264
- Công ty CP Xây dựng Thăng Long	-	-	1.576.029.736	1.576.029.736
- Công ty TNHH Tổng hợp và TM Thanh Hà	-	-	900.000.000	900.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và KD Giá Hưng	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
- Đối tượng khác	-	-	-	-
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

5.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
a) Phải nộp	5.837.264.968	11.000.000	11.000.000	5.837.264.968
- Thuế TNDN	5.837.264.968	-	-	5.837.264.968
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	7.000.000	7.000.000	-

b) Phải thu

Theo Quyết định số 4805/QĐ-CCT ngày 28 tháng 09 năm 2017 của Chi cục Thuế huyện Sóc Sơn, Công ty bị áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị từ ngày 03/10/2017 đến ngày 02/10/2018 do Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ nộp thuế theo quy định. Vì vậy, thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra được tạm tính trên doanh thu thực xuất và tạm khấu trừ với thuế GTGT được khấu trừ trong kỳ.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**a) Ngắn hạn**

- Trích trước chi phí kiểm toán

b) Dài hạn

Cộng

	30/06/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	50.000.000	50.000.000
b) Dài hạn		
Cộng	50.000.000	50.000.000

5.15 PHẢI TRẢ KHÁC**a) Ngắn hạn**

- Bảo hiểm xã hội

- Bảo hiểm y tế

- Bảo hiểm thất nghiệp

- Phải trả, phải nộp khác

b) Dài hạn

c) Phải trả khác là các bên liên quan

d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2018	01/01/2018
a) Ngắn hạn	640.704.587	632.846.186
- Bảo hiểm xã hội	512.129.760	505.943.128
- Bảo hiểm y tế	88.740.686	87.671.755
- Bảo hiểm thất nghiệp	39.567.319	38.964.481
- Phải trả, phải nộp khác	266.822	266.822

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.16 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	239.723.566.440	239.723.566.440	241.703.566.440	244.707.011.128	242.727.011.128	242.727.011.128
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Chương Dương (i)	193.171.594.954	193.171.594.954	195.151.594.954	197.342.216.399	195.362.216.399	195.362.216.399
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Động Anh (ii)	4.560.000.000	4.560.000.000	4.560.000.000	5.565.000.000	5.565.000.000	5.565.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (iii)	41.991.971.486	41.991.971.486	41.991.971.486	41.799.794.729	41.799.794.729	41.799.794.729
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	239.723.566.440	239.723.566.440	241.703.566.440	244.707.011.128	242.727.011.128	242.727.011.128

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

(i) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/3629234/HĐTD ngày 04 tháng 5 năm 2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2018/3629234/SĐBS ngày 14/05/2018 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương, hạn mức 200 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức là 30/06/2018, mục đích vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo bao gồm:

- Xe ô tô Toyota Yaris G BKS: 30A-929.21; Xe ô tô Toyota Yaris G BKS: 30E-018.91;
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 07/2016/3629234/HĐTG ngày 02/02/2016;
- 05 xe ô tô BKS: Xe đầu kéo nhãn hiệu FAW BKS 29C-644.58; xe đầu kéo nhãn hiệu FAW BKS 29C- 644.64; Xe đầu kéo nhãn hiệu FAW BKS 29C- 646.04; xe rơ moóc nhãn hiệu FAW BKS 29R-037.74; xe rơ moóc nhãn hiệu CIMC BKS 29R-038.73;
- Xe Lexus ES300H BKS: 30A-276.37;
- Xe Toyota Land Cruiser VX BKS: 30E-219.10;
- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số BG 000290, số vào sổ cấp GCN CH00437/NCN, số Quyết định 16383/QĐ-UBND do UBND thành phố Thái Nguyên cấp ngày 16/11/2011;
- Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản trên đất số CG 999052, số vào sổ cấp GCN CT-DA00595 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 19/4/2017;
- Hai xe ô tô tải thùng nhãn hiệu JAC BKS: 29C-645.03 và 29C-645.04;
- Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn tại các Ngân hàng và Tổ chức tín dụng khác;
- Các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn và đối tác mà công ty là người thụ hưởng.

(i) Hợp đồng thấu chi số 01/2017/3629234/HĐTC ngày 25 tháng 4 năm 2017 ký với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Chi nhánh Chương Dương, hạn mức thấu chi 66,8 tỷ đồng, thời hạn thấu chi kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 05/02/2018, mục đích thấu chi để thanh toán chi phí vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

(ii) Hợp đồng tín dụng số 80/2017-HĐCVHM/NHCT144-ĐTPTSS ngày 03 tháng 10 năm 2017 ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh, hạn mức của hợp đồng là 7,5 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày 03/10/2017 đến 03/10/2018, thời hạn vay của mỗi khoản nợ không quá 04 tháng kể từ ngày giải ngân ký trên giấy nhận nợ, lãi suất vay được ghi trong từng giấy nhận nợ, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sắt, thép. Các hợp đồng đảm bảo nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng này gồm:

- Hợp đồng thế chấp số 905/TC/2012 ngày 28 tháng 10 năm 2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Đông Anh và ông Ngô Văn Tú và bà Trần Thị Tuyên;
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 988/TC/2011 ngày 22 tháng 09 năm 2011 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 17/VBSĐBS/2014 ngày 05 tháng 3 năm 2014 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh và ông Phạm Văn Đức;
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC ngày 20 tháng 3 năm 2012 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đông Anh, PGD Phù Lỗ và Công ty CP Đầu tư Phát triển Sóc Sơn;
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 61/HĐTC ngày 29 tháng 9 năm 2011 ký giữa Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đông Anh, PGD Văn Trì và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn;

(iii) Hợp đồng tín dụng số 1502-LAV/201700223 ngày 12 tháng 4 năm 2017 và phụ lục số 16/PL-201700223 ngày 12 tháng 04 năm 2018 ký với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm, hạn mức cấp tín dụng tối đa tương ứng với tài sản đảm bảo theo phụ lục trên là 42.316.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng từ ngày 12/04/2017 đến 31/05/2018, thời hạn vay của mỗi khoản nợ tối đa không quá 04 tháng kể từ ngày giải ngân ghi trên giấy nhận nợ, lãi suất được quy định trong từng lần nhận nợ, mục đích vay vốn là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm:

- Căn hộ chung cư 609 tòa nhà CT1 khu đô thị Dream Town, đường 70, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 208713 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 31/3/2015 mang tên ông Trần Quang Khải và bà Hà Thị Thu Huyền;
- Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo Thuyết minh số 5.5.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lễ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHON LOC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

5.17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	160.800.000.000	-	-	-	-	22.474.948.150	183.274.948.150
Tăng vốn năm trước	143.959.480.000						143.959.480.000
Lãi trong năm trước						5.014.640.286	5.014.640.286
Tăng khác							-
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác							-
Số dư cuối năm trước	304.759.480.000	-	-	-	-	27.489.588.436	332.249.068.436
Tăng vốn trong kỳ này	6.093.090.000						6.093.090.000
Lãi trong kỳ này						(3.599.371.758)	(3.599.371.758)
Tăng khác							-
Giảm vốn trong kỳ này							-
Phân phối lợi nhuận						(6.093.090.000)	(6.093.090.000)
Giảm khác							-
Số dư cuối kỳ	310.852.570.000	-	-	-	-	17.797.126.678	328.649.696.678

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	30/06/2018	01/01/2018
Vốn góp của các đối tượng	100%	310.852.570.000	304.759.480.000
- Nguyễn Thanh Thùy Minh	10,82%	33.634.500.000	32.975.000.000
- Các đối tượng khác	89,18%	277.218.070.000	271.784.480.000
Cộng		310.852.570.000	304.759.480.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận			
		Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- <i>Vốn góp đầu năm</i>		304.759.480.000	304.759.480.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>		6.093.090.000	-
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>			
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>		310.852.570.000	304.759.480.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		6.093.090.000	-
d) Cổ phiếu			
		30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		31.085.257	30.475.948
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		31.085.257	30.475.948
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		31.085.257	30.475.948
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>			
Số lượng cổ phiếu được mua lại			
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>			
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>			
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		31.085.257	30.475.948
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		31.085.257	30.475.948
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>			
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng	10.000 đồng
e) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.			

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
a) Doanh thu	220.719.645.500	543.380.230.821
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	220.719.645.500	543.380.230.821
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	115.178.038.400	177.970.076.387

6.2 CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

6.3 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Giá vốn của hàng đã bán	216.581.589.345	528.301.590.558
Giá vốn của hàng hóa đã bán và cung cấp dịch vụ	216.581.589.345	528.301.590.558

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
6.4 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi	1.275.416.457	4.689.032.384
Cộng	1.275.416.457	4.689.032.384
6.5 CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	(15.635.542.687)	9.475.565.647
Cộng	6.436.421.863	9.475.565.647
6.6 THU NHẬP KHÁC		
Các khoản khác	76.000.000	43.007.663
Cộng	76.000.000	43.007.663
6.7 CHI PHÍ KHÁC		
Các khoản bị phạt	7.000.000	1.211.834.001
Các khoản khác	8.437.500	76.322.193
Cộng	15.437.500	1.288.156.194
6.8 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	1.431.030.477	1.861.898.543
Chi phí nhân viên	645.001.914	780.626.923
Chi phí khấu hao tài sản cố định	305.499.998	231.878.785
Chi phí dịch vụ mua ngoài		135.727.273
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	685.232.496
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi		(375.000.000)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	480.528.565	403.433.066
b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	1.205.954.530	1.753.404.990
Chi phí nhân viên	369.153.846	555.596.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	639.770.238	728.920.203
Chi phí bán hàng khác	197.030.446	468.888.634
6.9 CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	1.014.155.760	1.336.223.076
Chi phí khấu hao tài sản cố định	945.270.236	960.798.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.161.228	284.187.386
Chi phí bằng tiền khác	467.397.783	348.861.587
Cộng	2.636.985.007	2.930.071.037

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

Đơn vị tính: VND

6.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.599.371.758)	5.431.654.936
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.437.500	1.228.709.001
+ Các khoản phạt	7.000.000	1.211.834.001
+ Chi phí không được trừ	8.437.500	16.875.000
Tổng thu nhập chịu thuế	(3.619.934.258)	6.660.363.937
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	-	1.332.072.787
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.599.371.758)	4.099.582.149

6.12 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	(3.599.371.758)	4.099.582.149
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	(3.599.371.758)	4.099.582.149
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	30.894.429	30.475.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(117)	135

Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ được tính như sau:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	30.475.948	30.475.948
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	609.309	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ	31.085.257	30.475.948

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**8 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****8.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****8.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh, công bố hay thuyết minh trên báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lễ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN**8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này

Chỉ tiêu	Thép cuộn	Thép cây	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	27.513.570.200	57.251.542.800	135.954.532.500	220.719.645.500
Các khoản giảm trừ doanh thu				
Giá vốn	26.421.213.585	54.979.582.323	135.180.793.437	216.581.589.345
Lợi nhuận gộp	1.092.356.615	2.271.960.477	773.739.063	4.138.056.155
Tổng giá trị còn lại của tài sản				590.044.837.619
Nợ phải trả				261.395.140.941
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản có định và các tài sản dài hạn khác				
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				1.003.327.479
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

Kỳ trước

Chỉ tiêu	Thép cuộn	Thép cây	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	115.000.417.642	428.164.715.003	215.098.176	543.380.230.821
Các khoản giảm trừ doanh thu				
Giá vốn	109.465.413.982	418.625.836.076	210.340.500	528.301.590.558
Lợi nhuận gộp	5.535.003.660	9.538.878.927	4.757.676	15.078.640.263
Tổng giá trị còn lại của tài sản				679.952.598.071
Nợ phải trả				348.618.587.772
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản có định và các tài sản dài hạn khác				61.000.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				977.673.998
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại Hà Nội nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong kỳ

8.5 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phải sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2018	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	375.181.664		375.181.664
Phải thu khách hàng	179.038.944.461		179.038.944.461
Đầu tư	24.400.000.000	30.000.000.000	
Phải thu khác	23.227.414.550		23.227.414.550
Tài sản tài chính khác			
Trừ:	638.903.838	362.199.355	1.001.103.193
Dự phòng phải thu khó đòi	638.903.838		638.903.838
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		362.199.355	362.199.355
Tổng cộng	226.402.636.837	29.637.800.645	201.640.437.482
Các khoản vay và nợ	239.723.566.440	-	239.723.566.440
Phải trả người bán	14.776.107.682		14.776.107.682
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	690.704.587		690.704.587
Tổng cộng	255.190.378.709	-	255.190.378.709
Chênh lệch thanh khoản thuần	(28.787.741.872)	29.637.800.645	(53.549.941.227)
01/01/2018	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.278.809.339		8.278.809.339
Phải thu khách hàng	233.327.385.272		233.327.385.272
Đầu tư	24.400.000.000	30.000.000.000	
Phải thu khác	677.433.333		677.433.333
Tài sản tài chính khác			
Trừ:	638.903.838	362.199.355	1.001.103.193
Dự phòng phải thu khó đòi	638.903.838		638.903.838
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		362.199.355	362.199.355
Tổng cộng	266.044.724.106	29.637.800.645	241.282.524.751
Các khoản vay và nợ	242.727.011.128	-	242.727.011.128
Phải trả người bán	19.420.138.374		19.420.138.374
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	682.846.186		682.846.186
Tổng cộng	262.829.995.688	-	262.829.995.688
Chênh lệch thanh khoản thuần	3.214.728.418	29.637.800.645	(21.547.470.937)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mẫu số B 09a - DN

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ được tính bằng giá gốc trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	30/06/2018	01/01/2018	30/06/2018	01/01/2018	
Tài sản tài chính					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	24.400.000.000	26.400.000.000	24.400.000.000	26.400.000.000	
Các khoản phải thu về cho vay					
Phải thu khách hàng và phải thu khác	201.627.455.173	233.365.914.767	201.627.455.173	233.365.914.767	
Tài sản tài chính khác	662.686.460	472.400.712	662.686.460	472.400.712	
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.637.800.645	29.637.800.645	(*)	(*)	
Tiền và các khoản tương đương tiền	375.181.664	8.278.809.339	375.181.664	8.278.809.339	
Tổng cộng	256.703.123.942	298.154.925.463	(*)	(*)	
Nợ phải trả tài chính					
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	239.723.566.440	242.727.011.128	239.723.566.440	242.727.011.128	
Phải trả người bán	14.776.107.682	19.420.138.374	14.776.107.682	19.420.138.374	
Phải trả khác	640.704.587	632.846.186	640.704.587	640.704.587	
Tổng cộng	255.140.378.709	262.779.995.688	255.140.378.709	262.787.854.089	

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2018 và ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÓC SƠN

Địa chỉ: Số 156 khối 14, quốc lộ 3, xã Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)**Mẫu số B 09a - DN**

Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VND

8.6 Thông tin về các bên liên quan**a) Các bên liên quan**

Trong kỳ tài chính và tại ngày kết thúc kỳ tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	Công ty liên kết	37,5%

Giao dịch với các bên liên quan

Ngoài thuyết minh các bên liên quan đã nêu trên, trong kỳ tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị (VND)
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thảo Huyền	Bán hàng	115.180.038.400
	Thu tiền hàng	196.767.500.000
	Mua hàng	6.890.815.800
	Trả tiền mua hàng	6.714.158.100

b) Thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Ông Nguyễn Quang Nguyên	Chủ tịch HĐQT	26.307.692
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Thành viên HĐQT	36.884.614
Ông Lê Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	43.076.924
Ông Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng giám đốc	42.576.923
Bà Trần Lê Hoa	Kế toán trưởng	47.350.849
Ông Lê Hồng Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát	23.904.695
Bà Phạm Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	10.800.000
Bà Tạ Thị Ánh	Thành viên BKS	10.800.000
Tổng cộng		241.701.697

8.7 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sóc Sơn đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán và soát xét.

8.8 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

8.9 Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 20 tháng 08 năm 2018

Người lập



Trần Lê Hoa

Kế toán trưởng



Trần Lê Hoa

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Dũng